

Bản án số: 04/2019/HS-ST

Ngày 09-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Văn Nhạ

Bà Nông Thị Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS, ngày 01 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo :

Triệu Văn V, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1987, tại xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: thôn P, xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn C và bà Phan Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án: 02; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/3/2019 đến nay, (có mặt).

- Bị hại: Anh Trần Văn T, sinh năm 1978; trú tại: xóm N, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Liễu Thị S, sinh năm 1975; trú tại: xóm N, xã Nam H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

+ Chị Trương Thị L, sinh năm 1979; trú tại: xóm N, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Tuấn A, (tên gọi khác H), sinh năm 1969; trú tại: tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị S tham gia tố tụng: Chị Trương Thị L, sinh năm 1979; trú tại: xóm N, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Bàn Tồn N, sinh năm 1981, (vắng mặt);

+ Ông Lý Long K (tên gọi khác Gh), sinh năm 1958, (vắng mặt).

Đều trú tại: thôn K, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

+ Chị Đinh Thị B, sinh năm 1996; trú tại: thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/8/2018, Triệu Văn V và anh Nông Văn H (sinh năm 1979 là người ở cùng xã với V), đến xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để làm thuê cho anh Lâm Thanh T1 ở thôn B, xã K. Do trời mưa không đi làm được nên khoảng 15 giờ chiều ngày 18/8/2018 V cùng anh H đi bộ ra thôn K, xã K rồi sử dụng xe mô tô của anh T1 xuống quán bán hàng của gia đình anh T1 ngồi nói chuyện và uống mỗi người một cốc rượu. Sau đó V cùng anh H lại tiếp tục sử dụng xe mô tô của anh T1 chở nhau đến nhà ông Lý Long K rồi gửi xe mô tô anh T1 ở tại kho chứa thóc nhà ông K. Gửi xe xong anh H cầm chìa khóa xe và đi bộ vào lán, còn V đi xuống nhà anh Bàn Tồn N gần nhà ông K hỏi anh N có bán rượu không song nhà anh N không bán rượu, nhưng còn 01 chai la vi rượu, nên V cùng anh N uống mấy chén rượu. Uống rượu xong V đi lên nhà ông K và hỏi ông K mượn 01 chiếc tuốc nơ vít. V đi vào vị trí xe mô tô của anh T1 dựng trong kho để thóc nhà ông K dùng tuốc nơ vít đấu nối dây điện xe mô tô anh T1 để xuống quán mua thuốc nhưng V không đấu điện để nổ máy xe của anh T1 được nên V dắt xe mô tô của anh T1 vào dựng ở vị trí cũ. Khi V dắt xe vào trong kho thì V nhìn thấy chiếc xe mô tô BKS 20H2-6393 (xe của chị Trương Thị L mượn của anh Trần Văn T là anh trai chồng của chị L) đang dựng ở trong kho gần với vị trí V dựng xe mô tô của anh T1, điện trên mặt đồng hồ của xe mô tô vẫn còn sáng màu xanh, nên V đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô, V quan sát không có người nhìn thấy, V liền dắt chiếc xe mô tô ra khỏi kho nhà ông K rồi ngồi lên điều khiển xe trôi dốc được khoảng 01 km thì V bấm số để xe nổ máy rồi điều khiển xe đi qua trước cửa quán bán hàng của gia đình anh T1, lúc này khoảng 18 giờ ngày 18/8/2018 V nhìn thấy chị Đinh Thị B là vợ anh T1 đứng ở trước cửa quán. V tiếp tục điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi theo hướng đường đi xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông đến Quốc lộ 3 và điều khiển xe theo QL3 đến thành phố Bắc Kạn. Khi đến thành phố Bắc Kạn vào khoảng 20 giờ cùng ngày, V điều khiển xe vào hiệu mua bán, sửa chữa xe máy ở tổ 16, phường S, thành phố Bắc Kạn do ông Nguyễn Tuấn A (tên gọi khác H) là chủ cửa hàng đặt vấn đề với ông A để bán xe, ông A hỏi V xe có giấy tờ, nguồn gốc rõ ràng thì mua. Do xe không có giấy tờ nên V nói với ông A là xe của V mua với bạn không có giấy tờ, V mua để chở hàng vào lũng bán. V giới thiệu với ông A là

có ông Nguyễn Duy T2 là cán bộ Công an nghỉ hưu ở gần nhà ông A có quan hệ họ hàng với V. Thấy V giới thiệu nên ông A sang nhà ông T2 gọi ông T2 đến để xác nhận, khi ông T2 sang nhà ông A, thấy V đang ở đó, ông T2 bảo với ông A đây là cháu của ông T2 và ông T2 bảo nếu phải xe mô tô của V thì mới được bán, rồi ông T2 đi về nhà còn V cùng ông A thỏa thuận, V nhất trí bán chiếc xe mô tô cho ông A với giá 800.000,đ, đồng thời viết giấy mua bán xe và ký xác nhận. Sau đó V nhận tiền từ ông A rồi đón xe khách về ở thị trấn B, huyện C, đến sáng ngày 19/8/2018 V về nhà lấy quần áo rồi đón xe khách xuống tỉnh Thái Nguyên tìm việc làm thuê. Đến ngày 08/11/2018 khi V đang sử dụng ma túy tại phường Đ, tỉnh Thái Nguyên thì bị Công an phường Đ phát hiện đưa về trụ sở, sau đó Công an huyện Đ đã bàn giao V cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Khoảng 16 giờ ngày 19/8/2018 chị Trương Thị L đến nhà ông Lý Long K để lấy xe mô tô BKS 20H2-6393 thì phát hiện chiếc xe bị mất trộm nên đã trình báo sự việc cho Cơ quan Công an huyện N đề nghị giải quyết. Ngày 05/12/2018 anh Trần Văn T đã ủy quyền cho chị L để giải quyết vụ việc theo quy định.

Tại kết luận định giá tài sản số 23 ngày 08/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu BOSS biển kiểm soát 20H2-6393 của anh Trần Văn T tại thời điểm bị xâm hại có giá trị 2.960.000,đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Triệu Văn V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, mục đích V trộm chiếc xe mô tô của anh Trần Văn T ngày 18/8/2018 là để bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng và phục vụ cho tiêu sài cá nhân.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị hại anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị S tham gia tố tụng chị Trương Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến: Yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh T giá trị của chiếc xe mà V trộm cắp theo kết luận của Hội đồng định giá là 2.960.000,đ (hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án:

- 01 giấy mua bán xe ngày 18/8/2018 được lưu trong hồ sơ vụ án.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển kiểm soát 29H2-6393, sau khi Triệu Văn V bán cho ông Nguyễn Tuấn A, ông A đã bán chiếc xe mô tô này cho một người nam giới nhưng ông A không quen biết, không rõ họ tên, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS-NR ngày 22/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, truy tố Triệu Văn V về: "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Triệu Văn V phạm "Tội trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù; về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Văn Thanh số tiền 2.960.000,đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc xét xử vắng mặt bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện theo ủy quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì. Kiểm sát viên nêu quan điểm, việc vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng việc xét xử. Tòa thấy rằng ông Nguyễn Tuấn A, chị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị S có đơn xin vắng mặt, những người làm chứng đã có đầy đủ lời khai trong quá trình điều tra. Do đó, tòa án xét xử vụ án vắng mặt những người này là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Triệu Văn V: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 18/8/2018, Triệu Văn V đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu BOSS, BKS 20H2-6393 của anh Trần Văn T (xe mô tô do chị Trương Thị L mượn của anh T) dựng để tại kho chứa thóc của nhà ông Lý Long K ở thôn K, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Sau đó Văn điều khiển xe đến thành phố Bắc Kạn bán chiếc xe mô tô cho ông Nguyễn Tuấn A với giá 800.000,đ rồi mang đi tiêu sài cá nhân hết. Chiếc xe mô tô mà V trộm cắp có giá trị là 2.960.000,đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật có nội dung: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Nhân thân: Bị cáo không có tiền sự; Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử về tội "Cố ý gây thương tích"; bị cáo có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản: Bản án số 11/2015/HSPT ngày 16/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã xử phạt bị cáo 24 tháng tù (đối với bản án này V chưa thi hành xong 200.000,đ án phí dân sự sơ thẩm và bồi thường thiệt hại 1.300.000,đ cho ông Nguyễn Duy Q); Bản án số 24/2017/HSST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ là: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự .

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù. HĐXX xét thấy, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, căn cứ vào các quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" đến nay chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, không tu dưỡng, rèn luyện để trở thành một công dân tốt mà có lối sống buông thả, sa ngã vào con đường nghiện ma túy nên dẫn đến việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cá nhân. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần có một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng hình phạt tù buộc bị cáo đi cải tạo tập trung một thời gian có như vậy mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của bị hại tham gia tố tụng chị Trương Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại anh T giá trị chiếc xe mô tô BKS 20H2-6393 bị mất với số tiền 2.960.000,đ, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền trên cho anh T. Xét thấy sự nhất trí bồi thường thiệt hại của bị cáo là tự nguyện, không trái pháp luật nên được HĐXX ghi nhận. Buộc Triệu Văn V phải bồi thường thiệt hại cho anh Trần Văn T số tiền 2.960.000,đ.

[7] Trong vụ án này có ông Nguyễn Tuấn A là người trực tiếp mua và tiêu thụ

chiếc xe mô tô BKS 20H2-6393 do V đã trộm cắp của anh Trần Văn T, tuy nhiên khi mua chiếc xe mô tô trên, ông A không biết đây là chiếc xe mô tô trộm cắp mà có. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Na Rì không xem xét xử lý đối với ông A là đúng theo quy định của pháp luật hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn V phạm "Tội trộm cắp Tài sản".

Xử phạt: Triệu Văn V 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 25/3/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 2.960.000,đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) cho anh Trần Văn T.

Việc thi hành án khoản tiền này được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự và Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện(02b);
- TA tỉnh(01b);
- CA huyện(02b);
- Bị cáo(01b);
- Bị hại(01b);
- Người có QLNVLQ(03b);
- THA dân sự(01b);
- THA hình sự(01b);

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thanh Bình

- *Hồ sơ CA huyện(01b);*
- *Sở Tư pháp tỉnh (01b);*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu TA.*